

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-ST

Ngày: 31-5-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Bà Trần Thị Đới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A ấp S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1974.

2. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà M, bà T có mặt; ông C xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày như sau:

Ngày 14/01/2021, bà M có cho vợ chồng bà Lê Thị Hồng T (Bé T1), ông Hồ Văn C vay số tiền 24.000.000đồng. Đến ngày 14/8/2023, bà M tiếp tục cho vợ chồng bà T, ông C vay thêm số tiền 100.000.000đồng. Tổng số tiền bà M cho vợ chồng bà T, ông C vay là 124.000.000đồng. Khi vay các bên có làm giấy tay vay tiền, được vợ chồng bà T, ông C ký tên và các bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng.

Đến ngày 10/01/2024, bà T, ông C có trả cho bà M số tiền 3.000.000đồng (gồm 824.000đồng tiền lãi, 2.176.000đồng tiền gốc) trong số tiền 100.000.000đồng vay ngày 14/8/2023.

Đến hạn trả nợ, nhiều lần bà M yêu cầu vợ chồng bà T, ông C trả tiền nhưng bà T, ông C cố tình lẩn tránh. Nay bà M khởi kiện yêu cầu: Buộc Lê Thị Hồng T, ông Hồ Văn C phải liên đới trả cho bà M một lần tổng số tiền nợ gốc là 124.000.000đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm sau khi khấu trừ số tiền 3.000.000đồng bà M đã nhận. Ngoài ra, bà M không còn yêu cầu gì khác. Số tiền bà M cho vợ chồng ông C, bà T vay là tiền của cá nhân bà M, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bà M.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà T thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà M về việc vợ chồng bà T có vay của bà M tổng số tiền gốc là 124.000.000đồng vào các ngày 14/01/2021 và ngày 14/8/2023 với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Đến ngày 10/01/2024, vợ chồng bà T có trả cho bà M số tiền 3.000.000đồng (gồm 824.000đồng tiền lãi, 2.176.000đồng tiền gốc) trong số tiền 100.000.000đồng vay ngày 14/8/2023. Nay bà T thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà M tổng số tiền nợ gốc là 124.000.000đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm sau khi khấu trừ số tiền 3.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà T đề nghị bà M cho vợ chồng bà T trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Hồ Văn C vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa như sau: Ông C thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà T. Ông C thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà M tổng số tiền nợ gốc là 124.000.000đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm sau khi khấu trừ số tiền 3.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông đề nghị bà M cho vợ chồng ông trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà Võ Thị M và ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T vào ngày 14/01/2021 và ngày 14/8/2023. Buộc ông Hồ Văn C và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị M tổng số tiền nợ gốc đã vay là 124.000.000đồng, căn trừ số tiền gốc là 2.176.000đồng và tiền lãi 824.000đồng ông C, bà T đã trả cho bà M vào ngày 10/01/2024 của khoản tiền 100.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị M khởi kiện yêu cầu buộc ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T phải liên đới trả lại cho bà M tổng số tiền vay là 124.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông C, bà T cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông C theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị M yêu cầu ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà M số tiền gốc đã vay là 124.000.000đồng, căn trừ số tiền 3.000.000đồng ông C, bà T đã trả cho bà M vào ngày 01/4/2024 và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị M về yêu cầu trả tiền gốc vay là 124.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền” vào các ngày 14/01/2021 và 14/8/2023 được ký kết giữa bà M và ông C, bà T, thấy rằng:

[2.1.1] Vào các ngày 14/01/2021 và 14/8/2023 giữa bà M và ông C, bà T có ký hai “Giấy mượn tiền”, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia giao dịch đều có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định hai “Giấy mượn tiền” được ký kết giữa bà M và ông C, bà T là có hiệu lực pháp luật.

[2.1.2] Ngay sau khi ký hợp đồng mượn tiền thì bà M đã giao đủ cho ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T tổng số tiền là 124.000.000đồng vào các ngày 14/01/2021 và 14/8/2023. Hai bên thỏa thuận thời gian vay tiền là 06 tháng ông C, bà T phải hoàn trả đầy đủ số tiền gốc 124.000.000đồng cho bà M. Đến ngày 10/01/2024 ông C, bà T có trả số tiền nợ gốc 2.176.000đồng và tiền lãi 824.000đồng cho bà M để trả nợ trong số tiền 100.000.000đồng. Ngoài ra ông C, bà T chưa trả cho bà M thêm khoản tiền gốc, lãi nào.

[2.1.3] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T và ông C đồng ý liên đới trả số tiền nợ gốc 124.000.000đồng cho bà M, nhưng do kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên đề nghị này của bà T và ông C không được bà M đồng ý. Do đó việc bà M yêu cầu ông Hồ Văn C và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ vay gốc 124.000.000đồng sau khi cân trừ số tiền đã nhận là 2.176.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của bà M về việc yêu cầu ông C, bà T liên đới trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, thấy rằng:

[2.2.1] Do ông C, bà T có ký hai giấy mượn tiền, có nhận tổng số tiền 124.000.000đồng từ bà M nên phải có trách nhiệm trả lãi theo quy định. Bà M trình bày bà và ông C, bà T thỏa thuận thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày vay, ông C và bà T phải hoàn trả đầy đủ số tiền gốc 124.000.000đồng cho bà M. Bà M trình bày mức lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào trong “Giấy mượn tiền”, việc này được ông C và bà T thừa nhận nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù mức lãi suất hai bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất pháp luật quy định nhưng theo đơn khởi kiện, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M yêu cầu ông C và bà T phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng và được ông C, bà T đồng ý. Xét yêu cầu trả lãi của bà M là căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

[2.2.2] Từ phân tích nêu trên có cơ sở để xác định hai giấy vay tiền giữa bà M và ông C, bà T là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn nên lãi suất được tính như sau:

* Đối với số tiền 24.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/01/2021 đến ngày 31/5/2024:

$24.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 17 \text{ ngày}$ là 16.161.760đồng.

* Đối với số tiền 100.000.000đồng:

- Tiền lãi tính từ ngày 14/8/2023 đến ngày 10/01/2024:

$100.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng } 27 \text{ ngày}$ là 8.134.000đồng.

Cần trừ số tiền gốc bà M đã nhận vào ngày 10/01/2024 là 100.000.000đồng – 2.176.000 đồng là 97.824.000đồng.

Cần trừ số tiền lãi bà M đã nhận vào ngày 10/01/2024 là 8.134.000đồng – 824.000 đồng là 7.310.000đồng.

- Tiền lãi từ ngày 11/01/2024 đến ngày 31/5/2024:

97.824.000đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng 21 ngày là 7.632.228đồng.

* Tổng số tiền ông C và bà T phải liên đới trả cho bà M là 24.000.000đồng + 16.161.760đồng + 97.824.000đồng + 7.310.000đồng + 7.632.228đồng là 152.927.988đồng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông C, bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M đối với bị đơn ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hồ Văn C và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị M tổng số tiền là 152.927.988đồng (Một trăm năm mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Hồ Văn C, bà Lê Thị Hồng T phải liên đới chịu 7.646.399đồng (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi chín đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.600.000đồng theo biên lai thu số 0006384 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm